

**TOÀ PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **89/2026/HC- PT**

Ngày: 23/3/2026

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phùng Anh Dũng**.

Các thẩm phán: Ông **Lê Văn Thường** và ông **Đinh Phước Hoà**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn** - Thư ký Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 185/2025/TLPT-HC ngày 03 tháng 11 năm 2025 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2025/HC-ST ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 428A/2026/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lê Văn T, sinh năm: 1965 và bà Đồng Thị L, sinh năm: 1960; Địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Thôn A, xã N, tỉnh Quảng Ngãi). Ông T, bà L đều có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Đồng Thị L: Bà Nguyễn Thị Thanh T1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T4 tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: F P, phường C, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch UBND xã N, tỉnh Quảng Ngãi. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Thanh T2 - Phó Chủ tịch UBND xã N, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Thế T3 - Trưởng Phòng kinh tế xã N, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ: Chủ tịch UBND xã N, tỉnh Quảng Ngãi. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Thanh T2 - Phó Chủ tịch UBND xã N, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3.2. Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T (nay là Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh K).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn N - Giám đốc. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3.3. Ông Lê Đức M, sinh năm: 1995. Vắng mặt.

3.4. Bà Lê Thị Thu H, sinh năm: 1997. Vắng mặt.

3.5. Bà Lê Thị Thu H1, sinh năm: 2007. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (nay là Thôn A, xã N, tỉnh Quảng Ngãi).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và tại phiên tòa người khởi kiện trình bày:**

Trong quá trình thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất để thực hiện Tiểu Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, UBND huyện T và Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành các Quyết định thu hồi đất (Quyết định số: 9178/QĐ-UBND ngày 15/12/2023; Quyết định số: 9179/QĐ-UBND ngày 15/12/2023; Quyết định số: 9180/QĐ-UBND ngày 15/12/2023) và Quyết định bồi thường, hỗ trợ (Quyết định số: 9468/QĐ-UBND ngày 22/12/2023) đối với các Thửa đất: Thửa đất số 1197; Thửa đất số 1172; Thửa đất số 1371, tờ bản đồ số 17, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi mà vợ chồng ông đang quản lý, sử dụng. Đồng thời, ngày 22/12/2023, Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành Quyết định số: 9468/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi để thực hiện Tiểu Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H, đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 với số tiền 3.604.392.962 đồng (Ba tỷ, sáu trăm lẻ bốn triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, chín trăm sáu mươi hai đồng

chấn). Tuy nhiên, Quyết định số: 9468/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 về việc bồi thường, hỗ trợ đã xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông. Cụ thể:

Căn cứ phát hành Quyết định: 9468/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 để bồi thường và tái định cư là không có thực tế. Ngày 15/12/2023, ông có nhận 03 Quyết định thu hồi đất gồm: Quyết định số: 9178/QĐ-UBND, Quyết định số: 9179/QĐ-UBND và Quyết định số: 9180/QĐ-UBND; không có Quyết định nào mang số: Quyết định số: 9176/QĐ-UBND và Quyết định số: 9177/QĐ-UBND. Nhưng UBND huyện T lại căn cứ vào 03 Quyết định thu hồi đất gồm: Quyết định số: 9176/QĐ-UBND, Quyết định số: 9177/QĐ-UBND và Quyết định số: 9178/QĐ-UBND để ban hành Quyết định bồi thường và tái định cư là không có cơ sở. Trong 03 Quyết định này chỉ có Quyết định: 9178/QĐ-UBND là đúng với việc thu hồi Thửa đất số 1.172, tờ bản đồ số 17 xã N do vợ chồng ông đang quản lý, sử dụng còn đối với 02 Quyết định số: 9176/QĐ-UBND và Quyết định số: 9177/QĐ-UBND về việc thu hồi đất không có thực tế đối với 02 Thửa đất số 1.197, tờ bản đồ số 17 và Thửa đất số 1.371, tờ bản đồ số 17, xã N mà vợ chồng ông đang quản lý, sử dụng trước khi bị thu hồi.

Đối với tài sản, vật kiến trúc trên Thửa đất số 1.172, tờ bản đồ số 17 xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi:

- Ngôi nhà của vợ chồng ông ở và sinh sống lâu nay là nhà biệt thự có giá trên 4 tỷ đồng. Nhưng chỉ bồi thường theo Nhà cấp II.B với mức giá 4.868.200 đ/m² là không đúng. Tuy nhà biệt thự không có trong quy chuẩn của Quyết định số: 46/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Q. Nhưng Quyết định số 46/2022 có quy định: *“Nếu vật kiến trúc nào không có trong quy định thì bộ phận làm công tác đền bù phải thuê tư vấn lập dự toán trình ra Hội đồng xem xét để đền bù thỏa đáng cho người dân”*. Nhưng UBND huyện T không thực hiện như quy định. Để đảm bảo quyền lợi của mình, gia đình ông đã thuê đơn vị tư vấn để lập dự toán, thẩm định giá trị căn biệt thự được xây dựng trên Thửa đất 1.172, tờ bản đồ số 17. Sau khi có kết quả thì Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T lại từ chối kết quả lập dự toán của đơn vị do ông thuê dẫn đến việc chi trả đền bù không đúng với giá trị thực tế của ngôi nhà.

- Chuồng gà có diện tích 9,7m² nhưng không được áp giá đền bù;
- Mái hiên NK7 có diện tích 30m² nhưng không được áp giá đền bù;
- Cột thu lôi chống sét không được kiểm kê và áp giá đền bù theo quy định.

- Toàn bộ tường rào công ngõ đều bị ảnh hưởng phải tháo dỡ hết nhưng không đền bù đúng thực tế mà chỉ đền bù trong khu vực thu hồi đất, giá đền bù thấp là không thỏa đáng.

- Quán cháo dinh dưỡng và nhà để xe của Thửa đất số 1.172 hiện trạng là cấp IV.B nhưng tính cấp IV.C là không phù hợp.

- Nhà ông có tổng cộng là 04 công tơ điện để phục vụ sinh hoạt và kinh doanh nhưng không được đền bù.

- Nhà ông ngoài biệt thự để ở, ông còn có 01 nhà cấp IV.B và 03 quán cho thuê thu nhập hàng tháng trên 10.000.000đ/tháng, nay giải tỏa mất hết nguồn sinh kế nhưng không được hỗ trợ đền bù.

- Ngoài ra, việc thu hồi đất đối với Thửa đất số 1.172, tờ bản đồ số 17 với diện tích 300,4m² đất thì vợ chồng ông không còn chỗ ở nào khác nhưng không được hỗ trợ tiền thuê nhà hoặc làm nhà tạm trong thời gian chờ tạo lập nơi ở mới. Không chi trả tiền công tháo dỡ nhà biệt thự.

Đối với tài sản, vật kiến trúc trên Thửa đất số 1.197, tờ bản đồ số 17 xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi:

- Nhà IV.C có diện tích 3,8m² nhưng không được áp giá đền bù;

- Nhà NK7 có diện tích 22,2m² nhưng không được áp giá đền bù.

- Nhà ở cấp IV.B 108,30m² nhưng tính cấp IV.C 2.830.000 đồng là không phù hợp.

Đối với tài sản, vật kiến trúc trên Thửa 1.371, tờ bản đồ số 17, xã N.

- Thu hồi 27,6m² đất BHK sử dụng vào mục đích thương mại dịch vụ kinh doanh nhưng bồi thường 42.000đ/m² không hỗ trợ 50% đất ở hay hỗ trợ gấp 3 lần và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp với hộ sản xuất nông nghiệp.

Đối với việc đền bù giá đất và tái định cư

- Nhà nước thu hồi của gia đình ông ba thửa đất tổng cộng là 444,5m². Trong đó có 311,2m² đất ONT và 133,2m² đất BHK ở mặt đường Tỉnh lộ 623B. Trên thực tế đất của ông bị thu hồi là 35m ngang dọc theo Tỉnh lộ 623B (7 lô), giá thị trường là 2,5 tỷ một lô. Nhưng Nhà nước chỉ đền bù 2.000.000đ/m² đất ONT và 42.000đ/m² đất BHK là quá thấp không phù hợp với thực tế.

- Về tái định cư: Nhà nước chỉ cấp cho gia đình ông 01 lô đất tái định cư với diện tích 299,3m² ở đường liên thôn có giá Nhà nước quy định là 200.000đ/m² (sau khi có dự án nâng lên 400.000đ/m²). Vị trí đất tái định cư ở thôn A, trũng thấp, ngập lụt vào mùa mưa, nguồn nước ngầm nhiễm mặn và nước nóng, nền móng sâu dẫn đến chi phí xây dựng nhà cao tầng, biệt thự rất tốn kém, về an sinh để ổn định cuộc sống là không có (không bằng và tốt hơn nơi ở cũ). Trái với tinh thần chỉ đạo tại Nghị quyết 18/NQ-TU ngày 16/6/2022 của BCHTU; Quyết định số: 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q. Nếu chấp hành phương án đền bù này thì gia đình ông không có đủ đất và tiền để làm nhà mới như nguyên trạng nhà cũ.

Những phát sinh sau khi dỡ dọn nhà cửa đi nơi khác để giao mặt bằng cho Nhà nước.

Do việc đền bù không thỏa đáng về vật kiến trúc và tái định cư gây quá nhiều thiệt hại cho gia đình ông. Trong thời gian chờ đợi Nhà nước giải quyết (đến nay còn một số hạng mục vẫn chưa được UBND huyện T ban hành quyết định bồi thường) nên chưa nhận tiền và đất tái định cư nhưng ông liên tiếp nhận được nhiều Quyết định cưỡng chế gồm: Quyết định số: 1006/QĐ-UBND, Quyết định số: 1007/QĐ-UBND và Quyết định số: 1008/QĐ-UBND ngày 01/3/2024 và Quyết định gia hạn cưỡng chế gồm: Quyết định số: 3055/QĐ-UBND, Quyết định số: 3056/QĐ-UBND và Quyết định số: 3057/QĐ-UBND ngày 31/5/2024 và hai Thông báo thay đổi thời gian tổ chức cưỡng chế gồm: Thông báo số: 01/TB-BTHCC ngày 05/6/2024; Thông báo số: 02/TB-BTHCC ngày 11/6/2024. Việc cưỡng chế vợ chồng ông vẫn tự giác tháo dỡ nhà cửa để bàn giao mặt bằng cho Nhà nước. Trong quá trình tháo dỡ nhà cửa đi thuê nơi ở mới lại phát sinh nhiều phức tạp, mất mát tài sản khi dỡ dọn mà chính quyền không quan tâm giúp đỡ, tốn tiền cho việc dỡ dọn và thuê nhà hàng tháng nhưng không được sự hỗ trợ nào của chính quyền.

Do đó, ông Lê Văn T, bà Đồng Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy một phần Quyết định số: 9468/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện T, tỉnh Quảng Ngãi về việc bồi thường, hỗ trợ (Đ) và tái định cư (Đợt 4) cho ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L kèm theo Bảng tổng hợp giá trị dự kiến bồi thường, hỗ trợ (Đ) và tái định cư (Đợt 4). Cụ thể:

- Hủy một hạng mục bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc phục vụ đời sống sản xuất và công trình khác đối với Thửa đất số 1172, Thửa đất số 1197, tờ bản đồ GPMB số 02:

+ Thửa đất số 1172: Hủy Mục 1 (Nhà cấp II.B: Nhà 03 tầng, khung BTCT, tường gạch, mái ngói, cửa gỗ có khuôn ngoại, điện âm tường...); Mục 3 (Hồ cá có hòn non bộ thành bê tông); Mục 4 (Cổng ngõ khung sắt hộp); Mục 5 (Trụ cổng ngõ), Tiểu mục 5.1 (Cộng ốp đá Granit trang trí so với quét vôi); Mục 6 (Mái trụ cổng BTCT); Mục 7 (Tường rào).

+ Thửa đất số 1197: Hủy Mục 22 (Nhà IV.C: Nhà 01 tầng, móng đá, tường xây gạch chịu lực), Tiểu mục 22.1 (Cộng chênh lệch nền Ceramic với nền láng xi măng), Tiểu mục 22.2 (Cộng chênh lệch nền bê tông với nền láng xi măng); Mục 23 (Nhà IV.C: Nhà 1 tầng, móng đá, tường xây gạch chịu lực), Tiểu mục 23.1 (Cộng chênh lệch nền Ceramic với nền láng xi măng); Mục 25 (Nền gạch Ceramic); Mục 26 (Nền gạch Ceramic); Mục 27 (Tường xây gạch, móng đá); Mục 28 (Giếng khoan bằng ống P), Tiểu mục 28.1 (Chiều sâu giếng); Mục 29 (Nhà NK7: Mái hiên xà thép, trụ thép), Tiểu mục 29.1 (Cộng chênh lệch nền bê tông với nền đất), Tiểu mục 29.2 (Bao Tole); Mục 30 (Nhà NK7: Mái hiên xà thép, trụ

thép), Tiêu mục 30.1 (Cộng chênh lệch nền bê tông với nền đất), Tiêu mục 30.2 (B1).

- Hủy toàn bộ Phần II: Tái định cư trong Bảng tổng hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ (Đ) và tái định cư (Đợt 4) kèm theo Quyết định số: 9468/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện T).

2. Hủy một phần Quyết định số: 4108/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ (Đợt 10) cho ông Lê Văn T, bà Đồng Thị L (điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ Đợt 8); Cụ thể: Hủy một hạng mục bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc phục vụ đời sống sản xuất và công trình khác đối với Thửa đất số 1172, tờ bản đồ GPMB số 02: Mục 1 (Nhà cấp II.B: Nhà 03 tầng, khung BTCT, tường gạch, mái ngói, cửa gỗ có khuôn ngoại, điện âm tường...), Tiêu mục 1.1 (Cộng chênh lệch tường lán sơn so với tường quét vôi màu), Tiêu mục 1.2 (Cộng chênh lệch nền lát gạch Ceramic so với nền gạch hoa xi măng), Tiêu mục 1.3 (Ốp đá cầu thang); Mục 4 (Nhà cấp II.A: Nhà 03 tầng, khung BTCT, tường gạch, mái ngói, cửa gỗ có khuôn ngoại, điện âm tường), Tiêu mục 4.1 (Ốp đá cầu thang tầng 1 và tầng 2).

3. Buộc Ủy ban nhân dân huyện T có nghĩa vụ ban hành Quyết định hành chính mới thay thế Quyết định hành chính trái pháp luật bị hủy. Cụ thể, UBND huyện T phải ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ mới cho ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L thay thế cho Quyết định số: 9468/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện T, tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số: 4108/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngoài ra, ông bà còn yêu cầu xem xét Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 của UBND huyện T.

*** *Tại Văn bản số 2305/UBND ngày 05/8/2024, số 480/UBND ngày 24/02/2025, người bị kiện:*** UBND huyện T ***trình bày ý kiến:***

Sau khi kiểm tra, rà soát hồ sơ, UBND huyện T có ý kiến như sau:

Thông tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án:

- Ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L sử dụng 03 thửa đất như sau:

+ Thửa đất thứ nhất: Thửa đất 1172, tờ bản đồ địa chính số 17, diện tích 474m² (trong đó: 300m² đất ở; 174m² đất trồng cây hàng năm khác); thu hồi 300,4m² (trong đó: 200m² đất ở; 100,4m² đất trồng cây hàng năm khác), diện tích đất còn lại 173,6m² (trong đó: 100m² đất ở; 73,6m² đất trồng cây hàng năm khác).

+ Thửa đất thứ hai: Thửa đất 1197, tờ bản đồ địa chính số 17, diện tích 116,5m², loại đất ở; thu hồi hết thửa.

+ Thừa đất thứ ba: Thừa đất 1371, tờ bản đồ địa chính số 17, diện tích 369m², loại đất trồng cây hàng năm khác, thu hồi 27,6m², diện tích còn lại 341,4m².

- Ngày 15/12/2023, UBND huyện T ban hành 03 Quyết định thu hồi đất để thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H; đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 tại các Quyết định số: Số 9178/QĐ-UBND, số 9179/QĐ-UBND, số 9180/QĐ-UBND.

Về công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

Công tác bồi thường, hỗ trợ

Ngày 22/12/2023, UBND huyện T ban hành Quyết định số 9468/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 8) và tái định cư (đợt 4) chi tiết cho ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L, với tổng số tiền 3.604.392.962 đồng, gồm:

- Bồi thường đất ở nông thôn (ONT): 622.400.000 đồng.
- Bồi thường đất nông nghiệp: 5.598.600 đồng.
- Hỗ trợ đất bằng 50% giá đất ở: 105.700.000 đồng.
- Bồi thường, hỗ trợ: nhà ở, vật kiến trúc, công trình phục vụ đời sống, sản xuất: công trình khác và mồ mả: 2.836.672.088 đồng.
- Bồi thường cây trồng: 10.157.000 đồng.
- Các khoản hỗ trợ khác: 23.865.274 đồng.

Phân tái định cư

Thực hiện theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 22 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q. UBND huyện T bố trí 01 lô đất tái định cư có ký hiệu TDC3: 02, diện tích 299,3m² tại Khu tái định cư A, xã N; giao đất có thu tiền sử dụng đất như sau:

- Về giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư: Thực hiện Quyết định số 1277/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của UBND tỉnh Q: Lô đất có ký hiệu TDC3: 02, diện tích 299,3m², mức giá đất ở tại khu tái định cư 400.000 đồng/m², gồm:

+ Tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư mà ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L, phải nộp 119.720.000 đồng (299,3m² x 400.000 đồng/m² = 119.720.000 đồng).

+ Ngân sách dự án hỗ trợ cho ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu tái định cư: 993.600 đồng, gồm: Lệ phí trước bạ 598.600 đồng và tiền lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 395.000 đồng.

Qua kiểm tra, rà soát toàn bộ hồ sơ cho thấy việc tính toán áp giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất, bố trí đất tái định cư đối với trường hợp của ông

Lê Văn T và bà Đồng Thị L là phù hợp với quy định hiện hành. Ông Lê Văn T, bà Đồng Thị L yêu cầu hủy Quyết định số 9468/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 8), tái định cư (đợt 4) và buộc UBND huyện T ban hành Quyết định mới thay thế cho Quyết định số 9468/QĐ-UBND ngày 22/12/2023, về nội dung này kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xem xét giải quyết theo quy định.

Ngoài ra, giá trị bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L được điều chỉnh, bổ sung tại phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 9 và phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 10; Cụ thể:

- Phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 9 điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 8): Giá trị bồi thường, hỗ trợ chi tiết tại Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 9) cho ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L (điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 8).

+ Tiền bồi thường, hỗ trợ (*tăng thêm*): 144.370.418 đồng (*Trong đó: bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc 133.205.390 đồng; bồi thường cây trồng 650.000 đồng, các khoản hỗ trợ 10.515.028 đồng*).

Phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 10 (điều chỉnh, bổ sung phương án đợt 8): Giá trị bồi thường, hỗ trợ chi tiết tại Quyết định số 4108/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 10) cho ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L (điều chỉnh bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 8):

+ Tiền bồi thường, hỗ trợ (*tăng thêm*): 210.643.455 đồng (*điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc tại phương án đợt 8*).

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ của ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L tại 03 phương án (đợt 8, 9 và 10) là: 3.959.406.835 đồng (*Trong đó: Bồi thường, hỗ trợ về đất: 733.698.600 đồng; bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc 3.180.520.933 đồng; bồi thường cây trồng 10.807.000 đồng, các khoản hỗ trợ 34.380.302 đồng*).

Qua kiểm tra, rà soát toàn bộ hồ sơ cho thấy việc thu hồi đất để thực hiện dự án và tính toán áp giá bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất, bố trí đất tái định cư đối với trường hợp của ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L là phù hợp với quy định hiện hành. Việc công dân yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy một phần Quyết định số 9468/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 8) và tái định cư (đợt 4) của ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L và hủy một phần Quyết định số 4108/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 10) chi tiết cho ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L (điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 8) nội dung này kính đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xem xét giải quyết theo quy định.

*** Tại Văn bản số 85/TTPTQĐ ngày 21/4/2025, số 29/TTPQĐCNKVTN ngày 05/8/2025, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T (nay là Trung tâm phát triển quỹ đất Chi nhánh khu vực T) trình bày:**

Thông tin về thửa đất bị thu hồi: Ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L có 03 thửa đất bị ảnh hưởng bởi dự án:

- Thửa đất thứ nhất: Thửa đất số 1172, tờ bản đồ địa chính số 17, xã N diện tích thửa đất là 474 m², mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn 300,0m²; đất trồng cây hàng năm khác 174 m², được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận ngày 03/6/2014, số vào sổ CH 12085, số phát hành BS 992031.

+ Thông báo thu hồi đất: Thông báo số 1284/TB-UBND ngày 06/9/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất của ông: Lê Văn T đối với thửa đất số 1172, tờ bản đồ địa chính số 17, tại xã N, diện tích dự kiến thu hồi 300,4m².

- Thửa đất thứ hai: Thửa đất số 1197, tờ bản đồ địa chính số 17, xã N diện tích thửa đất là 111,2 m², mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp giấy chứng nhận ngày 15/9/2015, số vào sổ CS 14397, số phát hành CB 002732, đứng tên Nguyễn Ngọc H2; ngày 21/10/2015, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q - CN huyện T xác nhận nội dung thay đổi thửa đất trên chuyển nhượng cho ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L.

+ Thông báo thu hồi đất: Thông báo số 1283/TB-UBND ngày 06/9/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất của ông: Lê Văn T đối với thửa đất số 1197, tờ bản đồ địa chính số 17, tại xã N, diện tích dự kiến thu hồi 116,5 m².

- Thửa đất thứ ba: Thửa đất số 1371, tờ bản đồ địa chính số 17, xã N diện tích thửa đất là 369 m², mục đích sử dụng: Đất trồng cây hàng năm; được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận ngày 03/11/2014, số vào sổ CH 13925, số phát hành BV 645980.

+ Thông báo thu hồi đất: Thông báo số 1282/TB-UBND ngày 06/9/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất của ông: Lê Văn T với diện tích dự kiến thu hồi 17,0 m². Ngày 31/12/2022, UBND huyện T ban hành Thông báo số 2760/TB-UBND về việc điều chỉnh nội dung Thông báo số 1282/TB-UBND ngày 06/9/2022 với nội dung điều chỉnh diện tích thu hồi từ 17m² thành 27,6m².

Quá trình thực hiện công tác họp dân, kiểm kê, lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Họp dân:

- Ngày 13/9/2022 và sáng ngày 14/9/2022, Trung tâm cùng với UBND xã N, UBMTTQVN xã N tổ chức mời tất cả các hộ dân trong vùng Dự án để họp dân, tuyên truyền, phổ biến quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và triển khai công tác kiểm kê, xác lập hồ sơ bồi thường thực hiện dự án.

Công tác kiểm kê đất đai và tài sản:

- Ngày 05/10/2022, Trung tâm phối hợp cùng với UBND xã N tiến hành kiểm kê đất đai và tài sản bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất để GPMB thực hiện Dự án.

Lập phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

- Trên cơ sở khối lượng tài sản kiểm kê được xác lập và hồ sơ xác nhận tính pháp lý về (nguồn gốc đất, năm xây dựng, hộ còn hoặc không còn nơi ở khác tại xã N....) của UBND xã N.

+ Đối với thửa đất 1197: diện tích tăng 5,3m² do chỉnh lý theo hiện trạng đã được UBND huyện công nhận hiện trạng sử dụng đất, loại đất, diện tích, chủ sử dụng đất đối với các thửa đất có biến động giữa diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đo đạc thực tế tại Công văn số 2515/UBND ngày 18/8/2023.

Trung tâm tiến hành lập và niêm yết công khai phương án dự kiến bồi thường, hỗ trợ (đợt 8) tại Thông báo số 113/TB-TTPTQĐ ngày 17/11/2023 và phương án dự kiến tái định cư (đợt 4) tại Thông báo số 115/TB-TTPTQĐ ngày 21/11/2023 và kết thúc niêm yết công khai ngày 07/12/2023.

Thông tin về giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của Ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L:

Phần bồi thường, hỗ trợ: Giá trị bồi thường, hỗ trợ tại 03 phương án (trong đó: có 02 phương án bồi thường, hỗ trợ đã được UBND huyện T phê duyệt; lần lượt: phương án bồi thường và hỗ trợ (đợt 8) tại Quyết định số 9164/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 và phương án bồi thường và hỗ trợ (đợt 9) tại Quyết định số 1739/QĐ-UBND ngày 27/3/2024 và 01 phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 10) hiện đang trình UBND huyện phê duyệt); cụ thể, giá trị bồi thường, hỗ trợ tại các phương án như sau:

Phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 8):

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết tại Quyết định số 9468/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 8) và tái định cư (đợt 4) cho ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L:

+ Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ: 3.604.392.962 đồng (Trong đó: Bồi thường, hỗ trợ về đất: 733.698.600 đồng; bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc 2.836.672.088 đồng; bồi thường cây trồng 10.157.000 đồng, các khoản hỗ trợ 23.865.274 đồng).

Sau khi, phương án đợt 8 được thẩm định và phê duyệt. Trung tâm đã phối hợp với UBND xã N tiến hành các thủ tục niêm yết công khai và bàn giao Quyết định số 9468/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện T về việc bồi

thường, hỗ trợ (đợt 8) và tái định cư (đợt 4) cho ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L theo quy định.

- Ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L có ý kiến: yêu cầu điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ về cấp nhà và một số các hạng mục vật kiến trúc còn thiếu sót. Trung tâm đã phối hợp với UBND xã N và các phòng, ban cơ quan chuyên môn tiến hành kiểm tra hiện trạng. Trên cơ sở thống nhất điều chỉnh, bổ sung của Tổ công tác, Trung tâm tiếp tục thực hiện việc điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ tại lần lượt phương án đợt 9 và phương án đợt 10.

Phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 9; điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 8):

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ chi tiết tại Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 9) cho ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L (điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 8):

+ Tiền bồi thường, hỗ trợ (*tăng thêm*): 144.370.418 đồng (Trong đó: bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc 133.205.390 đồng; bồi thường cây trồng 650.000 đồng, các khoản hỗ trợ 10.515.028 đồng).

Phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 10 (điều chỉnh, bổ sung phương án đợt 8): Sau khi, hoàn thiện các thủ tục niêm yết công khai giá trị dự kiến bồi thường, hỗ trợ theo quy định. Hiện tại, Trung tâm đang trình UBND huyện T phê duyệt phương án với giá trị dự kiến bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L: 210.643.455 đồng (điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc tại phương án đợt 8).

Như vậy, tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt và dự kiến là: 3.959.406.835 đồng (Trong đó: Bồi thường, hỗ trợ về đất: 733.698.600 đồng; bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc 3.180.520.933 đồng; bồi thường cây trồng 10.807.000 đồng, các khoản hỗ trợ 34.380.302 đồng).

Phân Tái Định Cư: phương án tái định cư (đợt 4) đã được UBND huyện T phê duyệt tại Quyết định số 9162/QĐ-UBND ngày 15/12/2023:

Giao đất tái định cư: thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 22 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh, giao 01 lô đất tại Khu tái định cư tại Khu A lô đất cho có số ký hiệu TDC3: 02/299,3m².

Tiền sử dụng đất phải nộp khi nhận đất tái định cư: 120.713.600 đồng (trong đó: người dân nộp 119.720.000 đồng; Nhà nước hỗ trợ 993.600 đồng).

Về việc đề nghị áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất của hộ dân:

- Sau khi, Phương án bồi thường, hỗ trợ được thẩm định, phê duyệt và UBND huyện T ban hành các quyết định về việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L. Trung tâm đã phối hợp cùng UBND xã N, các

Hội đoàn thể chính trị - xã hội xã N, BQL dự án ĐTXD các CTGT tỉnh và các đơn vị liên quan lập các thủ tục tiếp theo như: niêm yết công khai Quyết định và phương án được duyệt; bàn giao Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho người bị thu hồi đất; tổ chức chi trả tiền và vận động nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ dân trên. Tuy nhiên, qua các lần mời chi trả, vận động đến nay hộ dân vẫn chưa thống nhất nhận tiền và chưa bàn giao mặt bằng cho dự án việc tiếp tục tổ chức vận động sẽ không còn tính khả thi, gây kéo dài thời gian thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 -2025; đoạn qua xã N, huyện T.

Qua kiểm tra trình tự, thủ tục thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp trên Trung tâm đã có Tờ trình số 58/TTr-TTPTQĐ ngày 29/01/2024 gửi UBND huyện xem xét áp dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi đất là đúng theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

**** Tại Văn bản số 303/UBND ngày 09/8/2025, Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng của UBND huyện T Chủ tịch UBND xã N, tỉnh Quảng Ngãi trình bày:***

Về các nội dung UBND huyện T ban hành trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông Lê Văn T, bà Đồng Thị L là đúng quy định.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2025/HC-ST ngày 14 tháng 8 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 59, Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348; Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 11, Điều 22, Điều 62, Điều 66, Điều 74, Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Q ban hành về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 5 năm (2020-2024); Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 về việc sửa đổi, bổ sung bảng giá số 02, bảng giá đất ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 5 năm (2020-2024) kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND; Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q; Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Q; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T, bà Đồng Thị L về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số: 9468/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện T, tỉnh Quảng Ngãi về việc bồi thường, hỗ trợ (Đ) và tái định cư (Đợt 4) cho ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L kèm theo Bảng tổng hợp giá trị dự kiến bồi thường, hỗ trợ (Đ) và tái định cư (Đợt 4). Cụ thể: Hủy một hạng mục bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc phục vụ đời sống sản xuất và công trình khác đối với Thửa đất số 1172, Thửa đất số 1197, tờ bản đồ GPMB số 02:

+ Thửa đất số 1172: Hủy Mục 1 (Nhà cấp II.B: Nhà 03 tầng, khung BTCT, tường gạch, mái ngói, cửa gỗ có khuôn ngoại, điện âm tường...); Mục 3 (Hòn cá có hòn non bộ thành bê tông); Mục 4 (Cổng ngõ khung sắt hộp); Mục 5 (Trụ cổng ngõ), Tiểu mục 5.1 (Cộng ốp đá Granit trang trí so với quét vôi); Mục 6 (Mái trụ cổng BTCT); Mục 7 (Tường rào).

+ Thửa đất số 1197: Hủy Mục 22 (Nhà IV.C: Nhà 01 tầng, móng đá, tường xây gạch chịu lực....), Tiểu mục 22.1 (Cộng chênh lệch nền Ceramic với nền láng xi măng), Tiểu mục 22.2 (Cộng chênh lệch nền bê tông với nền láng xi măng); Mục 23 (Nhà IV.C: Nhà 1 tầng, móng đá, tường xây gạch chịu lực), Tiểu mục 23.1 (Cộng chênh lệch nền Ceramic với nền láng xi măng); Mục 25 (Nền gạch Ceramic); Mục 26 (Nền gạch Ceramic); Mục 27 (Tường xây gạch, móng đá); Mục 28 (Giếng khoan bằng ống P...), Tiểu mục 28.1 (Chiều sâu giếng); Mục 29 (Nhà NK7: Mái hiên xà thép, trụ thép...), Tiểu mục 29.1 (Cộng chênh lệch nền bê tông với nền đất), Tiểu mục 29.2 (Bao Tole); Mục 30 (Nhà NK7: Mái hiên xà thép, trụ thép...), Tiểu mục 30.1 (Cộng chênh lệch nền bê tông với nền đất), Tiểu mục 30.2 (B1).

Hủy toàn bộ Phần II: Tái định cư trong Bảng tổng hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ (Đ) và tái định cư (Đợt 4) kèm theo Quyết định số: 9468/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện T).

- Hủy một phần Quyết định số: 4108/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 10) cho ông Lê Văn T, bà Đồng Thị L (điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ Đợt 8); Cụ thể: Hủy một hạng mục bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc phục vụ đời sống sản xuất và công trình khác đối với Thửa đất số 1172, tờ bản đồ GPMB số 02: Mục 1 (Nhà cấp II.B: Nhà 03 tầng, khung BTCT, tường gạch, mái ngói, cửa gỗ có khuôn ngoại, điện âm tường...), Tiểu mục 1.1 (Cộng chênh lệch tường lán sơn so với tường quét vôi màu), Tiểu mục 1.2 (Cộng chênh lệch nền lát gạch Ceramic so với nền gạch hoa xi măng), Tiểu mục 1.3 (Ốp đá cầu thang); Mục 4 (Nhà cấp II.A: Nhà 03 tầng, khung BTCT, tường gạch, mái ngói, cửa gỗ có khuôn ngoại, điện âm tường...), Tiểu mục 4.1 (Ốp đá cầu thang tầng 1 và tầng 2).

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T có nghĩa vụ ban hành Quyết định hành chính mới thay thế Quyết định hành chính trái pháp luật bị hủy. Cụ thể, UBND huyện T phải ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ mới cho ông Lê Văn T và

bà Đồng Thị L thay thế cho Quyết định số: 9468/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện T, tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số: 4108/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/8/2025, ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L có đơn kháng cáo, ngày 15/10/2025, ông T và bà L có đơn kháng cáo bổ sung. Nội dung kháng cáo ông T và bà L đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của mình.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Người khởi kiện ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Tại phần tranh luận, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm và trả hồ sơ cho Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết lại vụ án.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm cho rằng: quyết định của bản án sơ thẩm là đúng pháp luật, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn T, bà Đồng Thị L và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét, thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm và kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Chủ tịch UBND xã N là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện UBND huyện T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã N vắng mặt và có văn bản đề nghị Toà án xét xử vắng mặt người đại diện của mình, Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực T vắng mặt và có văn bản đề nghị Toà án xét xử vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Đức M, bà Lê Thị Thu H, bà Lê Thị Thu H1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, mặt khác tại phiên tòa mở lần thứ nhất vào ngày 05/3/2026 những người này cũng đã có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt; những người tham gia tố tụng khác đều đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

[1.2] Tại đơn khởi kiện ngày 03/10/2024 và các đơn khởi kiện bổ sung, người khởi kiện ông Lê Văn T, bà Đồng Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy một phần Quyết định số: **9468/QĐ-UBND** ngày 22/12/2023 của UBND huyện T, tỉnh Quảng Ngãi về việc bồi thường, hỗ trợ (Đ) và tái định cư (Đợt 4) cho ông Lê Văn

T và bà Đồng Thị L kèm theo Bảng tổng hợp giá trị dự kiến bồi thường, hỗ trợ (Đ) và tái định cư (Đợt 4); Hủy một phần Quyết định số: **4108/QĐ-UBND** ngày 31 tháng 7 năm 2024 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ (Đợt 10) cho ông Lê Văn T, bà Đồng Thị L (điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ Đợt 8) và buộc Ủy ban nhân dân huyện T có nghĩa vụ ban hành Quyết định hành chính mới thay thế Quyết định hành chính trái pháp luật bị hủy.

Xét thấy, các quyết định hành chính nêu trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, còn thời hiệu khởi kiện nên việc Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thụ lý và giải quyết là đúng pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Ngày 01/8/2025, ông Lê Văn T, bà Đồng Thị L có đơn đề nghị xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 9) cho ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L (điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ đợt 8). Xét thấy, Quyết định số 1945/QĐ-UBND và các Quyết định thu hồi đất số 9178, 9179, 9180/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện T có liên quan đến hai quyết định hành chính ông bà đang khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm đưa vào giải quyết nhằm giải quyết triệt để vụ án là đúng quy định tại Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tại phiên tòa, người khởi kiện thay đổi nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giao cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử lại vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Xem xét các Quyết định thu hồi đất số 9178, 9179, 9180/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện T thì thấy:

Thực hiện Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - H; đoạn qua tỉnh Quảng Ngãi thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, phải thu hồi của ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L đối với các thửa đất:

- Thửa đất **1172**, tờ bản đồ địa chính số 17, diện tích 474m² (trong đó: 300m² đất ở; 174m² đất trồng cây hàng năm khác); thu hồi 300,4m² (trong đó: 200m² đất ở; 100,4m² đất trồng cây hàng năm khác), diện tích đất còn lại 173,6m² (trong đó: 100m² đất ở; 73,6m² đất trồng cây hàng năm khác).

- Thửa đất **1197**, tờ bản đồ địa chính số 17, diện tích 116,5m², loại đất ở; thu hồi hết thửa.

- Thửa đất **1371**, tờ bản đồ địa chính số 17, diện tích 369m², loại đất trồng cây hàng năm khác, thu hồi 27,6m², diện tích còn lại 341,4m².

Ngày 15/12/2023, UBND huyện T ban hành 03 Quyết định thu hồi đất số: 9178/QĐ-UBND, số 9179/QĐ-UBND, số 9180/QĐ-UBND. Các Quyết định thu hồi đất là đảm bảo đúng quy định của pháp luật đất đai.

[2.2] Xét yêu cầu hủy một phần Quyết định số: 9468/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 và Quyết định số 4108/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND huyện T, thấy rằng:

[2.2.1] Ngày 05/10/2022, ông Lê Văn T, bà Đồng Thị L phối hợp với UBND xã N, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T tiến hành kiểm kê đất đai, tài sản bị thiệt hại trên ba thửa đất (1172, 1197, 1371) tờ bản đồ GPMB số 02. Tại biên bản kiểm kê, ông T bà L đã kê khai tất cả các hạng mục, nhà ở, vật kiến trúc, hoa màu có trên đất. Tuy nhiên, ông bà lại cho rằng UBND huyện T thu hồi diện tích 121m² đất BHK (thuộc các thửa đất 1172, 1197 và 1371) nhưng không được tính bồi thường.

Căn cứ vào các Thông báo thu hồi đất số 1283, 1284/TB-UBND ngày 06/9/2022 và số 2760/TB-UBND ngày 31/12/2022 của UBND huyện T về việc điều chỉnh nội dung Thông báo số 1282/TB-UBND ngày 06/9/2022 của UBND huyện T; Quyết định thu hồi đất số 9178, 9179, 9180/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND huyện T thể hiện UBND huyện T ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 9468/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 về tổng diện tích thu hồi 444,5m² là trùng khớp giữa Thông báo thu hồi đất với Quyết định thu hồi đất và diện tích đất bồi thường, hỗ trợ là đúng theo tổng diện tích đã bị thu hồi tại các Quyết định thu hồi đất của UBND huyện T. Đồng thời, tại thời điểm thu hồi, phần diện tích 121m² thuộc GCNQSD đất của ông bà nhưng diện tích này thuộc tuyến hành lang tỉnh lộ 623B nên UBND huyện T không bồi thường cho ông bà là có căn cứ.

[2.2.2] Về giá đất:

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai 2013: *“Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất”*; Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Q ban hành quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 - 2024); số 17/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 về việc sửa đổi, bổ sung bảng giá số 02, bảng giá đất ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 5 năm (2020 - 2024) kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020; Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh Q về việc thống nhất hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất cụ thể tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh. Vị trí đất của ông Lê Văn T, bà Đồng Thị L tại ba thửa đất nêu trên có vị trí 3, khu vực 1, giá đất ở mặt tiền đường Tỉnh lộ

623B đoạn từ ranh giới thành phố Q đến hết địa giới hành chính xã N là 2.000.000 đồng/m² x hệ số điều chỉnh giá đất: 1,0 lần = 2.000.000 đồng/m². Giá đất trồng cây hàng năm thuộc vị trí 1 có mức giá 42.000 đồng/m² x hệ số điều chỉnh giá đất: 1,0 lần = 42.000 đồng/m².

Do đó, UBND huyện T áp dụng giá đất nêu trên để tính toán bồi thường, hỗ trợ cho ông bà là có căn cứ, ông bà yêu cầu tính áp giá theo giá thị trường là không có căn cứ.

[2.2.3] Về bồi thường tài sản, vật kiến trúc:

Căn cứ trên biên bản kiểm kê hiện trạng, bản vẽ nhà, UBND huyện T đối chiếu theo quy định thì ngôi nhà của ông bà được phân cấp trong bảng phụ lục phân cấp nhà kèm theo tại Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Q nên đã áp dụng tính toán bồi thường theo đơn giá bồi thường kèm theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Q. Tuy nhiên, trong quá trình công khai niêm yết phương án dự kiến bồi thường, ông bà yêu cầu lập dự toán định giá lại ngôi nhà. Tuy nhiên theo công văn số 406/SXD-QLN&BDS ngày 08/3/2024 của Sở Xây dựng trình bày: *“Trường hợp đơn vị lập phương án bồi thường xác định rõ được cấp, loại công trình, vật kiến trúc, kết cấu nhà ở của hộ dân đang sử dụng - tương ứng với Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, công cộng để phát triển kinh tế - xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, ban hành kèm theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh (sau đây gọi tắt là Quy định đơn giá bồi thường) - thì áp dụng đơn giá của Quy định này để xác định giá bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc”*. Như vậy, theo biên bản kiểm kê và phương án bồi thường, hỗ trợ thì ngôi nhà của ông Lê Văn T được xác định phân cấp rõ tại Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Q nên không có cơ sở thực hiện lập dự toán theo khoản 1, 2 Điều 8 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021.

Vì vậy, UBND huyện T đã áp dụng tính toán bồi thường theo đơn giá bồi thường kèm theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Q là phù hợp, đúng theo quy định.

Ông Lê Văn T, bà Đồng Thị L cho rằng ngôi nhà này đủ tiêu chuẩn nhà biệt thự nhưng Ban bồi thường lần đầu áp giá là cấp nhà III.A, với mức giá 4.299.000 đồng/m², sau khi gia đình có kiến nghị, lần hai nâng lên là nhà cấp II.B, với mức giá 4.868.200 đồng/m² (Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 là 4.820.000 đồng/m²), lần 3 được áp giá là cấp nhà II.A, mức giá 5.383.300 đồng/m² (Quyết định số 46/2022 là 5.330.000 đồng/m²) là chưa phù hợp với Điều 89 Luật Đất đai, khoản 13 phần III về quy định đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi kèm theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022

của UBND tỉnh Q. Ông bà cho rằng ngôi nhà Biệt thự bị thu hồi không thuộc quy định của đơn giá bồi thường kèm theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Q, nên ông bà đã thuê đơn vị tư vấn định giá đối với nhà biệt thự trên nhưng sau khi có kết quả không được xem xét giải quyết để tính bồi thường là không có căn cứ. Tuy nhiên, đối chiếu khối lượng, bản vẽ hiện trạng nhà với bảng phụ lục phân cấp nhà kèm theo tại Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Q thì nhà của ông T là nhà 02 tầng, tầng áp mái xây cao 1,8m nên lần đầu UBND huyện T áp giá tính toán theo quy chuẩn của cấp nhà III.A - với mức giá 4.299.000 đồng/m², hạng mục xây dựng tầng áp mái được tính toán tách riêng với phần nhà III.A. Đồng thời, để đảm bảo quyền lợi cho ông bà, UBND huyện đã thống nhất điều chỉnh từ nhà cấp III.A sang nhà cấp II.B (≤ 3 tầng) trình UBND thẩm định phê duyệt phương án. Do vậy, UBND huyện đã áp giá tính toán với đơn giá cấp nhà cấp II.B, với mức giá 4.868.200 đồng/m² ($4.820.000 \text{ đồng/m}^2 \times \text{hệ số điện âm tường } 1,01$). Sau khi áp giá, tính toán mức bồi thường, UBND huyện đã kiểm tra hiện trạng đối chiếu theo quy định tại Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Q thì các tiêu chí về cấp nhà và các hạng mục như móng, nền, kết cấu, sàn, mái, cửa, khu WC, hoàn thiện phù hợp với cấp nhà II.A; riêng chỉ có hạng mục mái là khác tiêu chí theo quy định (*đạt 8/9 tiêu chí theo cấp nhà II.A*), thống nhất điều chỉnh từ cấp nhà II.B sang cấp nhà II.A. Trên cơ sở đó, UBND huyện đã áp dụng nhà II.A với mức giá 5.383.300 đồng/m² ($5.330.000 \text{ đồng/m}^2 \times \text{hệ số điện âm tường } 1,01$) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Mặt khác, theo hồ sơ kiểm kê tại thời điểm thu hồi, bồi thường, thửa đất số 1197 có 01 ngôi nhà cấp IV: Nhà 1 tầng, móng đá, tường xây gạch chịu lực, mái ngói, tấm cách nhiệt, cửa gỗ, điện nổi, nền gạch ceramic và nền bê tông, quét vôi, không có sê nô với diện tích là 112,1m² (*trong đó: Phần xây dựng trên đất ở là 108,3m²; Phần xây dựng trên đất giao thông là 3,8m²*). Đối chiếu với bảng phụ lục phân cấp nhà kèm theo tại Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Q, UBND huyện đã tính toán nhà cấp IV trên với cấp nhà IV.C là đúng theo hiện trạng bởi vì nhà ông bà không có sê nô, ô văng. Đối với các hạng mục xây dựng ngoài quy định phân cấp nhà như: nhà vệ sinh (WC), nền ceramic và nền bê tông, UBND huyện đã tính toán tách riêng với phần nhà IV.C; việc ông bà tự phân cấp nhà thành 01 nhà IV.A với diện tích 108,3m² và 01 nhà cấp IV.B với diện tích là 3,8m² là không đúng quy định của pháp luật.

Do đó, ông bà cho rằng tại thửa đất số 1197, có: 01 nhà cấp IV.A 01 tầng, móng đá cao 2m, trụ bê tông, móng dầm, nền lát gạch men, trần la – phông, cửa Pa nô kính, có khu WC, tường sơn nước diện tích 108,3m² nhưng tính nhà cấp IV.C có mức giá 2.830.000 đồng/m²; 01 nhà cấp IV.B diện tích 3,8m² và 01 nhà NK7 diện tích 22,2m² và 41m² diện tích đất giáp với đường đi tỉnh lộ 623B không được áp giá đền bù, cho rằng đất giao thông là chưa phù hợp với Luật Đất đai và

Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh là không có căn cứ.

Đối với nội dung yêu cầu bồi thường về một phần diện tích $3,8m^2$ của nhà cấp IV.B và nhà NK7 với diện tích $22,18m^2$. Xét thấy: Theo diện tích đo đạc thực tế thửa đất có tổng diện tích là $116,5m^2$, trong đó: đất ở (ONT) là $111,2m^2$ theo giấy chứng nhận và đất trồng cây hằng năm khác (BHK) được UBND huyện công nhận là $5,3m^2$. Nhưng, đối với phần diện tích xây dựng lớn hơn so với diện tích đất của hộ dân được xem là xây dựng lấn chiếm, không đủ điều kiện bồi thường, nhưng được hỗ trợ theo khoản 17 Điều 18 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh.

Theo khối lượng kiểm kê, tổng diện tích xây dựng là: $140,6m^2$ trong đó: Phần diện tích xây dựng nhà, vật kiến trúc trên đất ở là $114,6m^2$ (*diện tích xây dựng nhà là $108,3m^2$ + diện tích xây dựng nhà vệ sinh là $3,0m^2$ + diện tích xây dựng nhà NK7-Mái hiên là $3,3m^2$*) được tính toán bồi thường 100%. Phần diện tích xây dựng $25,98m^2$ (*01 phần diện tích xây dựng nhà là $3,8m^2$ và nhà NK7-Mái hiên với diện tích $22,18m^2$*) được xem là xây dựng lấn chiếm vào năm 2015 trên đất giao thông (*sau ngày 01/7/2014*) nên không đủ điều kiện hỗ trợ theo khoản 17 Điều 18 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh.

Đối với nội dung yêu cầu bồi thường diện tích $41m^2$ đất giáp với đường tỉnh lộ 623B: Tại Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 9468/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện T, đối với thửa đất số 1197, UBND huyện T đã bồi thường, hỗ trợ về đất với diện tích là $116,5m^2$ đúng theo diện tích được Nhà nước công nhận cho ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L, cụ thể: $111,2 m^2$ đất ở (ONT) theo giấy chứng nhận và $5,3m^2$ đất trồng cây hằng năm khác (BHK) được UBND huyện công nhận. Phần diện tích $41m^2$ đất từ thửa 1197 giáp với đường tỉnh lộ 623B là loại đất giao thông do UBND xã N quản lý không được tính toán bồi thường theo quy định tại Điều 82 Luật Đất đai 2013.

Đối với các vật kiến trúc: *02 công tơ điện nhà biệt thự và 01 quán cho thuê kinh doanh; Nền đổ bê tông để cây kiểng từ trước ra phía sau diện tích $40m^2$; Sân uống trà và nơi tiếp khách diện tích $12m^2$; Hệ thống dẫn nước máy từ tỉnh lộ 623B vào nơi ở $40m$ và một số linh kiện kèm theo; Rèm che nắng, mưa các cửa hông và phía sau gác hai (5 cái); Rèm che mái hiên phía Đông và phía Tây nhà biệt thự (2 bộ); Viên xây gạch quanh gốc cây lâu năm và ăn quả (cau, mận, bằng lăng, sấu ... 16 viên/16 gốc, mỗi gốc $0,2m^2$); Gạch lát Blok phía sau nhà biệt thự diện tích $25m^2$; diện tích $121m^2$ đất phía Đông cổng ngõ lối vào nhà lát gạch B; Máng rút nước; Các trụ bê tông giăng dây phơi đồ và tập thể dục (06 bộ);* nhận thấy; UBND huyện T đã bồi thường, hỗ trợ bổ sung tại Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 của UBND huyện T

Ô văng: Theo Bảng phân cấp nhà kèm theo Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh, thì hạng mục ô văng là cơ sở để phân cấp nhà, nằm trong cấp nhà; nên không có cơ sở tính bồi thường.

Rèm che, bảng hiệu của nhà cho thuê chưa được tính bồi thường: Tại số thứ tự 4, thửa 1371 mục II.I thuộc mục II phần I Bảng tổng hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ (đợt 8) và tái định cư (đợt 4) kèm theo Quyết định số 9468/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện T (*đã tính bồi thường Bảng hiệu, khung sắt hộp, phủ tole, dán bạt 9,8m²*); Nền móng nhà cao hơn mặt đường 623B là 01m: Phần diện tích đất bị thu hồi đã được bồi thường, hỗ trợ theo quy định hiện hành; theo quy định tại khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai 2013, các chi phí đầu tư vào đất chỉ áp dụng cho các trường hợp không được bồi thường về đất. 40m tường rào xây gạch, kích thước (20x2,5) liên kề, ngoài quy hoạch không thu hồi, bị xe thi công công trình làm ngã đổ, hư hại: Đối với hạng mục này, nằm ngoài phạm vi giải phóng mặt bằng, UBND huyện không có cơ sở để bồi thường.

Như vậy, xét thấy việc UBND huyện T bồi thường hỗ trợ nhà, vật kiến trúc trên đất là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2.2.4] Đối với các khoản hỗ trợ khác

Ông Lê Văn T, bà Đồng Thị L cho rằng, đối với thửa đất số 1371: Thu hồi 27,6m² đất trồng cây hàng năm khác (BHK) sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ kinh doanh nhưng không được hỗ trợ 50% của đất ở hoặc hỗ trợ bằng 03 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá các loại đất hiện hành của UBND tỉnh quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 14/12/2021. Tuy nhiên, căn cứ GCNQSD đất tại thửa đất số 1371 với mục đích sử dụng là đất BHK riêng lẻ không cùng thửa đất ở nên không đủ điều kiện tính hỗ trợ 50% giá đất ở theo quy định tại khoản 19 Điều 18 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q. Mặt khác, theo xác nhận của UBND xã N thì trường hợp ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L không phải là hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nên không được tính hỗ trợ theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T5.

[2.2.5] Về tái định cư:

Ông Lê Văn T, bà Đồng Thị L bị thu hồi 311,2m² đất ở trên 02 thửa đất: thửa đất số 1172 thu hồi 200,0m² (*còn lại 100m² đất ở*); thửa đất số 1197 thu hồi 111,2m² (*thu hồi hết đất ở*) 02 thửa đất trên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều đứng tên ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L. Đối chiếu theo quy định về tái định cư tại Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh thì ông Lê Văn T chỉ được bố trí 01 lô đất tái định cư theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 22 Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh là đúng theo quy định hiện hành.

[2.2.6] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T, bà Đồng Thị L về đề nghị hủy một phần Quyết định số: 9468/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện T, tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 4108/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND huyện T có căn cứ.

[2.3] Xét yêu cầu đối với Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 08/4/2024 của UBND huyện T thì thấy rằng: Ông Lê Văn T, bà Đồng Thị L được UBND huyện T điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường đợt 8 tại Quyết định số 1945; theo đó, tiền bồi thường, hỗ trợ (*tăng thêm*): 144.370.418 đồng (Trong đó: bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc 133.205.390 đồng; bồi thường cây trồng 650.000 đồng, các khoản hỗ trợ 10.515.028 đồng). Như vậy, UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 1945 là đảm bảo quyền lợi cho ông bà, việc ban hành Quyết định này là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.4] Đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện T có nghĩa vụ ban hành Quyết định hành chính mới thay thế Quyết định hành chính trái pháp luật bị hủy. Như đã nhận định ở phần trên, các Quyết định số 9468/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 và Quyết định số 4108/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND huyện T có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nêu này của ông Lê Văn T, bà Đồng Thị L là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.5] Từ những phân tích, nhận định tại các mục [2.1], [2.2], [2.3] và [2.4], Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L là có căn cứ và đúng pháp luật. Ông T, bà L kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện; tại phiên tòa ông bà thay đổi kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm để giao Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết lại vụ án là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông T, bà L thuộc đối tượng miễn án phí và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Văn T, bà Đồng Thị L và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2025/HC-ST ngày 14 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 59, Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348; Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 11, Điều 22, Điều 62, Điều 66, Điều 74, Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Q ban hành về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 5 năm (2020-2024); Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 về việc sửa đổi, bổ sung bảng giá số 02, bảng giá đất ở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 5 năm (2020-2024) kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND; Quyết định số 75/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Q; Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Q;

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T, bà Đồng Thị L về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số: 9468/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện T, tỉnh Quảng Ngãi về việc bồi thường, hỗ trợ (Đ) và tái định cư (Đợt 4) cho ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L kèm theo Bảng tổng hợp giá trị dự kiến bồi thường, hỗ trợ (Đ) và tái định cư (Đợt 4). Cụ thể: Hủy một hạng mục bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc phục vụ đời sống sản xuất và công trình khác đối với Thửa đất số 1172, Thửa đất số 1197, tờ bản đồ GPMB số 02:

+ Thửa đất số 1172: Hủy Mục 1 (Nhà cấp II.B: Nhà 03 tầng, khung BTCT, tường gạch, mái ngói, cửa gỗ có khuôn ngoại, điện âm tường...); Mục 3 (Hồ cá có hòn non bộ thành bê tông); Mục 4 (Công ngõ khung sắt hộp); Mục 5 (Trụ công ngõ), Tiểu mục 5.1 (Cộng ốp đá Granit trang trí so với quét vôi); Mục 6 (Mái trụ cổng BTCT); Mục 7 (Tường rào).

+ Thửa đất số 1197: Hủy Mục 22 (Nhà IV.C: Nhà 01 tầng, móng đá, tường xây gạch chịu lực....), Tiểu mục 22.1 (Cộng chênh lệch nền Ceramic với nền láng xi măng), Tiểu mục 22.2 (Cộng chênh lệch nền bê tông với nền láng xi măng); Mục 23 (Nhà IV.C: Nhà 1 tầng, móng đá, tường xây gạch chịu lực), Tiểu mục 23.1 (Cộng chênh lệch nền Ceramic với nền láng xi măng); Mục 25 (Nền gạch Ceramic); Mục 26 (Nền gạch Ceramic); Mục 27 (Tường xây gạch, móng đá); Mục 28 (Giếng khoan bằng ống P...), Tiểu mục 28.1 (Chiều sâu giếng); Mục 29 (Nhà NK7: Mái hiên xà thép, trụ thép...), Tiểu mục 29.1 (Cộng chênh lệch nền bê tông với nền đất), Tiểu mục 29.2 (Bao Tole); Mục 30 (Nhà NK7: Mái hiên xà thép, trụ

thép...), Tiêu mục 30.1 (Cộng chênh lệch nền bê tông với nền đất), Tiêu mục 30.2 (B1).

Hủy toàn bộ Phần II: Tái định cư trong Bảng tổng hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ (Đ) và tái định cư (Đợt 4) kèm theo Quyết định số: 9468/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện T).

- Hủy một phần Quyết định số: 4108/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ (đợt 10) cho ông Lê Văn T, bà Đồng Thị L (điều chỉnh, bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ Đợt 8); Cụ thể: Hủy một hạng mục bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc phục vụ đời sống sản xuất và công trình khác đối với Thửa đất số 1172, tờ bản đồ GPMB số 02: Mục 1 (Nhà cấp II.B: Nhà 03 tầng, khung BTCT, tường gạch, mái ngói, cửa gỗ có khuôn ngoại, điện âm tường...), Tiêu mục 1.1 (Cộng chênh lệch tường lán sơn so với tường quét vôi màu), Tiêu mục 1.2 (Cộng chênh lệch nền lát gạch Ceramic so với nền gạch hoa xi măng), Tiêu mục 1.3 (Ốp đá cầu thang); Mục 4 (Nhà cấp II.A: Nhà 03 tầng, khung BTCT, tường gạch, mái ngói, cửa gỗ có khuôn ngoại, điện âm tường...), Tiêu mục 4.1 (Ốp đá cầu thang tầng 1 và tầng 2).

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T có nghĩa vụ ban hành Quyết định hành chính mới thay thế Quyết định hành chính trái pháp luật bị hủy. Cụ thể, UBND huyện T phải ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ mới cho ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L thay thế cho Quyết định số: 9468/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND huyện T, tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số: 4108/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí phúc thẩm: điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Ông Lê Văn T và bà Đồng Thị L được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Anh Dũng